

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày 14-6-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà và bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị P, sinh ngày 16/12/1991, tại Vinh Phúc; nơi cư trú: TDP HT, thị trấn LT, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; Chồng: 02 chồng (đều đã ly hôn); con: 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày từ 07/12/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị hại: Chị Dương Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn KT, xã TQ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Chị Đinh Thị Thanh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 80, THT, TDP DH, phường ĐT, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn DX, xã NĐ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2022, Nguyễn Thị P, sinh năm 1991 trú tại Tổ dân phố HT, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc làm môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Phú Thọ. Quá trình làm ăn, đầu tư bất

động sản dẫn đến thua lỗ, nợ nần, không có tiền tiêu, lợi dụng việc biết rõ thông tin các thửa đất tại xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ mà P đã từng giao dịch, P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ tháng 10/2022 đến tháng 3/2023, P đã thực hiện 03 vụ lừa đảo trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên, chiếm đoạt số tiền 240.000.000đ. Cụ thể:

Tháng 6/2022, P thỏa thuận nhận chuyển nhượng diện tích 593,5m² đất nằm trong tổng diện tích 2497,4m² của thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ của ông Hg Văn Hải, sinh năm 1964 và vợ là bà Hà Thị Lâm, sinh năm 1968 đều trú tại thửa đất trên. Để thực hiện việc chuyển nhượng, P đã làm thủ tục tách thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41 thành 05 thửa đất, trong đó phần diện tích P nhận chuyển nhượng được tách thành 03 thửa đất, bao gồm: Thửa số 336 có diện tích 180m²; thửa số 337 có diện tích 199,3m² và thửa số 338 có diện tích 214,2m². P thỏa thuận với ông Hải, bà Lâm, đối với 03 thửa đất P nhận chuyển nhượng sẽ không làm thủ tục sang tên P, mà khi nào P tìm được khách mua, thì ông Hải, bà Lâm sẽ làm thủ tục sang tên trực tiếp cho người mua tiếp theo. Theo thỏa thuận, ngày 06/7/2022, ông Hải, bà Lâm đã ký Hợp đồng, làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ 03 thửa đất trên. Thửa đất số 336, P đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1970 trú tại thôn Liên Kết, xã Hg Lâu, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Thửa số 337, P chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Đảm, sinh năm 1990 ở xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Thửa số 338, P chuyển nhượng cho ông Lưu Bá Điền, sinh năm 1959 trú tại xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Sau khi chuyển nhượng, các bên đã H thiện thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Mạnh, chị Đảm và ông Điền sử dụng các thửa đất trên ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay, không ủy quyền hoặc nhờ P chuyển nhượng các thửa đất này. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41 do ông Hải, bà Lâm quản lý, không có nhu cầu nhờ hoặc ủy quyền cho P tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đến tháng 10/2022, do thiếu tiền tiêu và nợ nần nhiều, P đã 03 lần sử dụng thông tin thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ để lừa đảo thông qua hình thức đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chiếm đoạt số tiền 240.000.000đ. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Do có quan hệ quen biết với chị Dương Thị H, sinh năm 1992, trú tại xã TQ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, biết chị H cũng là môi giới bất động sản, thường tìm mua các thửa đất để bán kiếm lời, P đã giới thiệu với chị H, P có 02 thửa đất với tổng diện tích 365m² được tách từ thửa đất số 184, tờ

bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vê, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đang có nhu cầu muốn bán với giá 440.000.000đ. Để chị H tin tưởng, P đã cho chị H xem hình ảnh trang 2, trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41 và đưa chị H đi xem thực địa thửa đất. P khẳng định với chị H, P đã nhận chuyển nhượng 02 thửa đất này, hiện đang làm thủ tục sang tên. Do tin tưởng, chị H đã đặt vấn đề nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất mà P nói. Thấy vậy, P yêu cầu chị H đặt cọc số tiền 50.000.000đ, chị H đồng ý, sử dụng số tài khoản 108874729346 mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) của chị H chuyển số tiền 50.000.000đ đến số tài khoản 161268888 Ngân hàng Quốc tế (VIB) của P, tuy nhiên giữa hai bên không ký kết Hợp đồng gì. Ngày 10/10/2022, P hỏi vay của chị H số tiền 10.000.000đ, chị H đồng ý, đưa cho P bằng tiền mặt và yêu cầu P bổ sung vào số tiền chị H đặt cọc mua đất, P đồng ý. Đến ngày 16/12/2022, chị H và P lập Hợp đồng đặt cọc với nội dung chị H đặt cọc số tiền 60.000.000đ cho P để nhận chuyển nhượng diện tích 365m² được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vê, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, thỏa thuận đến ngày 16/01/2023 tiến hành bàn giao mặt bằng và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi chị H và P làm xong Hợp đồng đặt cọc, P nói với chị H nếu có khách của chị H mua với giá cao hơn thì P sẽ đứng ra nhận cọc, làm hợp đồng đặt cọc với người mua mới, số tiền chênh lệch P sẽ chuyển cho chị H coi như là phí môi giới. Do tin tưởng vào lời nói của P nên chị H đồng ý và tìm khách mua 02 thửa đất trên.

Lần thứ hai: Do có mối quan hệ bạn bè, chị H biết chị Đinh Thị Thanh H, sinh năm 1986 trú tại phường ĐT, thành phố Vĩnh Yên đang có nhu cầu tìm mua đất nên chị H đã giới thiệu chị H với P để nhận chuyển nhượng diện tích 180m² đất được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vê, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ với giá 270.000.000đ. Ngày 12/10/2022, chị H hẹn gặp P tại Chung cư Bảo Quân, Tổ dân phố Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên để tìm hiểu thửa đất chị H giới thiệu. Tại đây P giới thiệu và khẳng định với chị H rằng P là chủ sử dụng của diện tích 180m² đất được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vê, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Để chị H tin tưởng, P đã đưa chị H và chị H đến thực địa thửa đất để kiểm tra. Do tin tưởng vào lời nói của P nên chị H đã đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất. P yêu cầu chị H đặt cọc số tiền 50.000.000đ. Chị H sử dụng số tài khoản 056704060117863 mở tại Ngân hàng Quốc tế chuyển số tiền 50.000.000đ đến tài khoản 161268888 Ngân hàng Quốc tế (VIB) của P, tuy nhiên giữa hai bên không ký biên bản hay hợp đồng gì. Đến

ngày 18/01/2023, P yêu cầu chị H đặt cọc thêm số tiền 50.000.000đ, chị H đồng ý và tiếp tục chuyển khoản ngân hàng cho P. Sau đó chị H và P đã ký kết với nhau 01 hợp đồng đặt cọc với nội dung chị H đặt cọc cho P số tiền 100.000.000đ để nhận chuyển nhượng diện tích 180m² đất được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, thỏa thuận đến ngày 31/01/2023 sẽ có trích đo thửa đất và tiến hành thanh toán, ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định.

Lần thứ ba: Ngày 31/01/2023, do có mối quan hệ quen biết, chị H biết chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986, trú tại: Thôn Đình Xá 3, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc có nhu cầu mua đất nên chị H đã giới thiệu P với chị H. P nói cho chị H biết P có thông tin của 02 thửa đất là thửa số 336 diện tích 180m² và thửa số 338 diện tích 214,2m² tại địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ muốn chuyển nhượng với giá lần lượt là 181.000.000đ và 191.000.000đ. Để chị H tin tưởng, P đã đưa cho chị H xem trang 2 và trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05948 (đứng tên ông Nguyễn Văn Mạnh và vợ là bà Trần Thị Thi - thửa đất số 336) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05950 (đứng tên ông Lưu Bá Điền và vợ là bà Trần Thị Thơm - thửa đất số 338) và dẫn chị H cùng chị H đến xem thực địa thửa đất. P khẳng định với chị H là chủ sử dụng của 02 thửa đất trên nhờ P bán hộ, mọi giao dịch chủ sử dụng đều ủy quyền cho P. Tuy nhiên, P không cho chị H xem trang 1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không cung cấp thông tin chủ sử dụng của 02 thửa đất này. Sau khi đến thực địa kiểm tra, chị H tin tưởng nên đồng ý nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên. P yêu cầu chị H đặt cọc số tiền 100.000.000đ, tuy nhiên chị H không đủ tiền nên đã thỏa thuận đặt cọc số tiền 80.000.000đ bao gồm 30.000.000đ đặt cọc cho thửa đất số 338 và 50.000.000đ cho thửa đất số 336, P đồng ý. Chị H sử dụng số tài khoản 1088625101986 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) của chị H chuyển số tiền 80.000.000đ đến số tài khoản 161268888 của P mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB). Sau khi nhận tiền, chị H và P ký kết với nhau 02 hợp đồng đặt cọc với nội dung chị H đặt cọc cho P 30.000.000đ để nhận chuyển nhượng thửa đất 338 tờ bản đồ 41 diện tích 214m với giá 191.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 25/2/2023 sẽ tiến hành thanh toán, ký hợp đồng chuyển nhượng; đặt cọc cho P 50.000.000đ để nhận chuyển nhượng thửa đất 336 diện tích 180m² với giá 181.000.000đ và thỏa thuận đến ngày 03/3/2023 sẽ tiến hành thanh toán và ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định.

Tổng số tiền P nhận của chị H, chị H, chị H để đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 240.000.000đ. Số tiền này P đã tiêu xài cá nhân hết. Sau

khi hết thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng đặt cọc, chị H, chị H, chị H nhiều lần yêu cầu P phải thực hiện ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bàn giao mặt bằng thửa đất, hoặc thanh toán Hợp đồng đặt cọc, trả lại tiền cọc cho chị H, chị H, chị H. Tuy nhiên, P đã tiêu hết số tiền nhận đặt cọc, không có khả năng H trả cho chị H, chị H, chị H. Trong các ngày 01/03/2023; 03/03/2023; 08/03/2023, chị Đinh Thị Thanh H, chị Dương Thị H và chị Nguyễn Thị H lần lượt đến trình báo tại Công an thành phố Vinh Yên. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị P đã khai nhận nội dung hành vi phạm tội của bản thân như trên.

Về nguồn gốc đất: Tại biên bản làm việc ngày 24/3/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ cung cấp như sau: Đối với thửa đất 184 tờ bản đồ 41 địa chỉ: thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ chủ sở hữu là ông Hg Văn Hải và bà Hà Thị Lâm, tháng 6/2022 được tách làm 05 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 335 tờ bản đồ 41 diện tích 305,7m² đứng tên bà Hà Thị Lâm.
- Thửa đất số 336 tờ bản đồ 41 diện tích 180m². Thửa đất này đã được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Mạnh ngày 08/8/2022.
- Thửa đất số 337 tờ bản đồ 41 diện tích 199,3m². Thửa đất này đã được chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đảm.
- Thửa đất số 338 tờ bản đồ 41 diện tích 214,2m². Thửa đất này đã được chuyển nhượng cho ông Lưu Bá Điền ngày 06/7/2022.
- Thửa đất số 339 tờ bản đồ 41 diện tích 1469m² đứng tên ông Hg Văn Hải và bà Hà Thị Lâm.

Trong quá trình biến động đất đai đối với các thửa đất nêu trên không có chủ sở hữu nào mang tên Nguyễn Thị P.

Quá trình điều tra xác định: Thửa đất số 336 tờ bản đồ 41 hiện đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Mạnh và vợ là bà Trần Thị Thi; Thửa đất số 338 hiện đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Lưu Bá Điền và vợ là bà Trần Thị Thơm; Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 184 được tách thành 02 thửa là thửa số 335 đứng tên bà Hà Thị Lâm và thửa số 339 đứng tên ông Hg Văn Hải và bà Hà Thị Lâm. Sau khi H thiện thủ tục tách thửa, sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, ông Mạnh, ông Điền, ông Hải và bà Lâm không có ai ủy quyền hoặc nhờ P bán các thửa đất trên.

Về thu thập chứng cứ và giám định chữ ký, chữ viết:

Trong các ngày 01/03/2023; 03/03/2023; 08/03/2023, chị Đinh Thị Thanh H, chị Dương Thị H và chị Nguyễn Thị H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra kèm theo đơn trình báo:

+ 02 Hợp đồng đặt cọc (mẫu in sẵn, viết tay) giữa bên bán là Nguyễn Thị P, bên mua là chị Nguyễn Thị H, người làm chứng là Dương Thị H.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc (mẫu in sẵn, viết tay) giữa bên bán là Nguyễn Thị P, bên mua là chị Đinh Thị Thanh H, người làm chứng là Dương Thị H.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc (mẫu in sẵn, viết tay) giữa bên bán là Nguyễn Thị P, bên mua là chị Dương Thị H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên đã thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của P tại UBND thị trấn LT để phục vụ công tác trung cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Ngày 10/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định số 460 trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định chữ ký, chữ viết của P trong 04 hợp đồng đặt cọc. Tại Kết luận giám định số 2118 ngày 01/8/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trong 04 hợp đồng đặt cọc so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị P là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Cáo trạng số: 67/CT-VKSNDTPVY- VP ngày 22/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Nguyễn Thị P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị P giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 07/12/2023).

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải trả cho chị Dương Thị H số tiền 60.000.000đ; trả chị Nguyễn Thị H 80.000.000đ; chị Đinh Thị Thanh H 100.000.000đ.

Về vật chứng: Đối với 04 Hợp đồng đặt cọc mà chị H, chị H và chị H giao nộp cho Cơ quan điều tra, xác định là tài liệu chứng cứ trong vụ án, cần chuyển theo hồ sơ vụ án nên không xem xét tiêu hủy.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng.

Bị hại chị Dương Thị H trình bày tháng 10/2022 P đã giới thiệu với chị H là P có 02 thửa đất với tổng diện tích 365m² được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đang có nhu cầu muốn bán với giá 440.000.000đ, P đã cho chị H xem hình ảnh trang 2, trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41 và đưa chị H đi xem thực địa thửa đất. P khẳng định với chị H, P đã nhận chuyển nhượng 02 thửa đất này, hiện đang làm thủ tục sang tên. Do tin tưởng, chị H đã đặt vấn đề nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất mà P nói. P yêu cầu chị H đặt cọc số tiền 50.000.000đ, cho P thông qua tài khoản của chị P cung cấp, nhưng hai bên không ký kết Hợp đồng gì. Ngày 10/10/2022, P hỏi vay của chị H số tiền 10.000.000đ, chị H đồng ý và đưa cho P bằng tiền mặt và yêu cầu P bổ sung vào số tiền chị H đặt cọc mua đất, P đồng ý. Đến ngày 16/12/2022, chị H và P lập Hợp đồng đặt cọc với nội dung chị H đặt cọc số tiền 60.000.000đ cho P để nhận chuyển nhượng diện tích 365m² được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, thỏa thuận đến ngày 16/01/2023 tiến hành bàn giao mặt bằng và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi chị H và P làm xong Hợp đồng đặt cọc, P nói với chị H nếu có khách của chị H mua với giá cao hơn thì P sẽ đứng ra nhận cọc, làm hợp đồng đặt cọc với người mua mới, số tiền chênh lệch P sẽ chuyển cho chị H coi như là phí môi giới. Do tin tưởng vào lời nói của P nên chị H đồng ý và tìm khách mua 02 thửa đất trên. Nhưng đến hạn P không làm thủ tục sang tên và chị H có đơn tố cáo đến Công an. Nay chị H yêu cầu P phải trả lại số tiền 60.000.000đ đã chiếm đoạt và xử lý P theo quy định của pháp luật.

Người bị hại chị Đinh Thị Thanh H trình bày: Do có mối quan hệ bạn bè với chị H nên chị H đã giới thiệu chị H với P để nhận chuyển nhượng diện tích 180m² đất được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ với giá 270.000.000đ. Ngày 12/10/2022, chị H hẹn gặp P tại Chung cư Bảo Quân, Tổ dân phố Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên để tìm hiểu thửa đất chị H giới thiệu. Tại đây P giới thiệu và khẳng định với chị H rằng P là chủ sử dụng của diện tích 180m² đất được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. P đã đưa chị H và chị H đến thực

địa thửa đất để kiểm tra. Do tin tưởng vào lời nói của P nên chị H đã đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất trên. P yêu cầu chị H đặt cọc số tiền 50.000.000đ, chị H đồng ý và chuyển cho P 50.000.000đ vào tài khoản của P. Tuy nhiên, giữa hai bên không ký biên bản hay hợp đồng gì. Đến ngày 18/01/2023, P yêu cầu chị H đặt cọc thêm số tiền 50.000.000đ, chị H đồng ý và tiếp tục chuyển khoản cho P, sau đó chị H và P đã ký kết với nhau 01 hợp đồng đặt cọc với nội dung chị H đặt cọc cho P số tiền 100.000.000đ để nhận chuyển nhượng diện tích 180m² đất được tách từ thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vê, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, thỏa thuận đến ngày 31/01/2023 sẽ có trích đo thửa đất và tiến hành thanh toán, ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Nhưng đến hạn Phương không làm thủ tục sang tên và chị H có đơn tố cáo Công an. Nay chị H yêu cầu P phải trả 100.000.000đ tiền cọc đã chiếm đoạt và xử lý P theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 31/01/2023 chị Nguyễn Thị H có nhu cầu mua đất nên được chị H là bạn làm ăn đã giới thiệu chị H với P để mua đất, khi gặp P, P nói cho chị H có thông tin của 02 thửa đất là thửa số 336 diện tích 180m² và thửa số 338 diện tích 214m² tại địa chỉ thôn Gò Vê, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ muốn chuyển nhượng với giá lần lượt là 181.000.000đ và 191.000.000đ. Để chị H tin tưởng, P đã đưa cho chị H xem trang 2 và trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05948 (đứng tên ông Nguyễn Văn Mạnh và vợ là bà Trần Thị Thi - thửa đất số 336) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05950 (đứng tên ông Lưu Bá Điền và vợ là bà Trần Thị Thơm - thửa đất số 338) và dẫn chị H cùng chị H đến xem thực địa thửa đất. P khẳng định với chị H là chủ sử dụng của 02 thửa đất trên nhờ P bán hộ, mọi giao dịch chủ sử dụng đều ủy quyền cho P. Tuy nhiên, P không cho chị H xem trang 1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không cung cấp thông tin chủ sử dụng của 02 thửa đất này. Sau khi đến thực địa kiểm tra, chị H tin tưởng nên đồng ý nhận chuyển nhượng 02 thửa đất trên. P yêu cầu chị H đặt cọc số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên chị H không đủ tiền nên đã thỏa thuận đặt cọc số tiền 80.000.000đ bao gồm 30.000.000đ đặt cọc cho thửa đất số 338 và 50.000.000đ cho thửa đất số 336, P đồng ý. Chị H đã chuyển cho P số tiền 80.000.000đ. Sau khi nhận tiền, chị H và P ký kết với nhau 02 hợp đồng đặt cọc với nội dung chị H đặt cọc cho P 30.000.000đ để nhận chuyển nhượng thửa đất 338 tờ bản đồ 41 diện tích 214,2m² với giá 191.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 25/2/2023 sẽ tiến hành thanh toán, ký hợp đồng chuyển nhượng; đặt cọc cho P 50.000.000đ để nhận chuyển nhượng thửa đất 336 diện tích 180m² với giá 181.000.000đ và thỏa thuận đến ngày 03/3/2023 sẽ tiến hành thanh toán và ký

hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Nhưng đến hạn P không làm thủ tục sang tên cho chị H và chị H có đơn tố cáo ra Công an. Nay chị H yêu cầu P phải trả 80.000.000đ tiền cọc đã chiếm đoạt và xử lý P theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị P không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo P tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Nguyễn Thị P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ tháng 10/2022 đến tháng 3/2023, lợi dụng thông tin thửa đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ mà P biết qua quá trình làm đầu tư bất động sản, mặc dù không phải là chủ sử dụng của thửa đất trên, cũng không được chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất nhờ hay ủy quyền đứng ra giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng P vẫn đưa ra thông tin gian dối, khẳng định P được quyền chuyển nhượng một phần diện tích đất của thửa đất này. Bằng thủ đoạn gian dối đó, P đã chiếm đoạt được của chị Dương Thị H số tiền 60.000.000đ; chị Đinh Thị Thanh H số tiền 100.000.000đ và chị Nguyễn Thị H số tiền 80.000.000đ dưới hình thức đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 240.000.000đ trên, P đã tiêu xài cá nhân và trả nợ hết.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...”

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Bị cáo phạm tội theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 15 năm nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm tội rất nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với số tài sản bị chiếm đoạt đều trên 2.000.000đ nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết làm căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nếu để cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[4] Đối với chị Dương Thị H quá trình điều tra xác định: Sau khi đặt cọc để nhận chuyển nhượng 02 thửa đất với tổng diện tích 365m² được tách từ thửa

đất số 184, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn Gò Vệ, xã Thượng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, P nói với chị H nếu có khách của chị H mua với giá cao hơn thì P sẽ đứng ra nhận cọc, làm hợp đồng đặt cọc với người mua mới, số tiền chênh lệch P sẽ chuyển cho chị H coi như là phí môi giới. Do tin tưởng lời nói của P nên chị H đồng ý và tìm khách mua 02 thửa đất trên. Chị H không biết diện tích đất trên không thuộc quyền sử dụng của P. Việc chị H giới thiệu chị H và chị H gặp P để mua bán quyền sử dụng đất là quan hệ dân sự, chị H không biết, không liên quan và không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của P. Bản thân chị H cũng bị P đưa ra các thông tin gian dối, thông qua hình thức đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý chị Dương Thị H về hành vi đồng phạm với Nguyễn Thị P là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định trước khi phạm tội bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 04 Hợp đồng đặt cọc mà chị H, chị H và chị H giao nộp cho Cơ quan điều tra, xác định là tài liệu chứng cứ trong vụ án, cần chuyển theo Hồ sơ vụ án nên không xem xét tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Dương Thị H yêu cầu P phải trả số tiền 60.000.000đ; chị Nguyễn Thị H yêu cầu P phải trả 80.000.000đ; chị Đinh Thị Thanh H yêu cầu P phải trả 100.000.000đ do P chiếm đoạt. Do vậy, cần buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho các bị hại.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 07/12/2023).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải trả cho chị Dương Thị H số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); Trả cho chị Nguyễn Thị H 80.000.000đ

(Tám mươi triệu đồng); Trả cho chị Đinh Thị Thanh H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Kim Dung Nguyễn Thị Thanh Mai

Đào Văn Tiến

